

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH B

Bản án số 26/2025/DS-ST

Ngày 29/5/2025

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Ry**.

2. Bà: **Lê Thị Sáu**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảo Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai theo vụ án dân sự thụ lý số 17/2025/TLST-DS ngày 14/02/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 14/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐDS-ST ngày 29/4/2025, A báo thay đổi thời gian xét xử số 35/TB-TA ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng A, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh B.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Đinh Hữu D, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh B.

(Ông A có đơn xin vắng mặt, vợ chồng ông D, bà E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/10/2024, vợ chồng ông D bà E đến nhà ông A mượn 1.000.000.000đ với mục đích xây nhà, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 0,83%/tháng, trả lãi hàng tháng cho đến khi thanh toán xong nợ, thời hạn vay đến ngày 23/02/2025 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho ông A. Kể từ ngày mượn tiền cho đến nay, vợ chồng ông D bà E không đóng tiền lãi cho ông A, tới hạn trả nợ thì không thực hiện đúng với nội dung trong Giấy mượn tiền ngày 23/10/2024. Ông A đã nhiều lần liên hệ yêu

cầu vợ chồng ông D bà E trả nợ nhưng vợ chồng ông D bà E hứa hẹn, né tránh không trả số tiền gốc và lãi cho ông A.

Do đó ông A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D bà E trả cho ông A 1.000.000.000đ, lãi phát sinh 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 23/10/2024 đến ngày 29/5/2025 là $1.000.000.000đ \times 0,83\% \times 7 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 59.760.000đ$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.059.760.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình có căn cứ và đúng pháp luật ông A đã cung cấp: Bản gốc giấy mượn tiền ngày 23/10/2024 giữa vợ chồng ông Đình Hữu D, bà Nguyễn Thị E với ông Hoàng A.

Tại đơn trình bày ngày 16/5/2025, ông A yêu cầu trả gốc 1.000.000.000đ, lãi phát sinh 0.83%/tháng, tính từ ngày 24/02/2025 cho đến ngày xét xử 29/5/2025 là 26.283.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập vợ chồng ông D bà E nhiều lần nhưng vợ chồng ông D bà E không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông A; buộc vợ chồng ông D, bà E chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí cho ông A theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Vợ chồng ông D bà E vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng; ông A có đơn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 23/10/2024 và trình bày của ông A thể hiện vợ chồng ông D bà E có vay của ông A số tiền 1.000.000.000đ, hợp đồng vay không có lãi, ông D bà E hẹn đến ngày 23/02/2025 sẽ trả đủ cho ông A. Ông A cho rằng vợ chồng ông D bà E né tránh không trả số nợ gốc và lãi suất phát sinh cho ông A. Do vợ chồng ông D bà E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện đã thanh toán xong khoản vay trên. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 23/10/2024 do ông A cung cấp và trình bày của ông A để buộc vợ chồng ông D bà E có trách nhiệm hoàn trả cho ông A số tiền nợ vay chưa trả là 1.000.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất: Xét giấy vay tiền ngày 23/10/2024 do ông D cung cấp là hợp đồng vay không có lãi và có thời hạn theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Khi đến hạn

bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó cần buộc vợ chồng ông D bà E chịu số tiền lãi cụ thể như sau: lãi suất của 1.000.000.000đ tính từ ngày 24/02/2025 đến ngày 29/5/2025 là 1.000.000.000đ x 0,83% x 3 tháng 5 ngày = 26.283.000đ.

[2.3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Buộc vợ chồng ông D bà E chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi là 42.788.000đ (đã làm tròn).

- Hoàn trả ông A số tiền 21.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 4634 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Đinh Hữu D, bà Nguyễn Thị E.

Buộc vợ chồng ông Đinh Hữu D và bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho ông A 1.026.283.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ba ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng ông D bà E nộp 42.788.000đ (Bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

- Hoàn trả ông A số tiền 21.500.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 4634 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh B xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ry Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Phạm Đức Minh

Nguyễn Văn Linh